

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2025

V/v tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hữu Tài

2/ Bà Nguyễn Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Kim Quang Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1987. “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. ***Bị đơn:*** Chị Hồ Bảo C, sinh năm 2001 “ vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. ***Người làm chứng:*** Bà Đặng Thị E, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2025 và ngày 03/3/2025 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Phước T trình bày: Anh và chị Hồ Bảo C xây dựng hôn nhân năm 2024, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/02/2024, giấy chứng nhận kết hôn số: 14/2024. Sau khi kết hôn thì anh T và chị C sống và làm việc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống lúc đầu rất hạnh phúc, thời gian sau này không hạnh phúc vì vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau, sống không hợp nhau, luôn có sự mâu thuẫn và bất hòa với nhau, không có tiếng nói chung, chị C không tôn trọng gia đình anh T. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị C. Về con chung: không có nên không yêu cầu. Về tài sản chung: 09 chỉ vàng 24k (Trong đó: 01 dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc lắc 03 chỉ, 01 chiếc nhẫn 01 chỉ); 09 chỉ vàng 18k là bộ vòng cimen; 05 phân vàng 24k do chị Nguyễn Thị Kiều M là chị ruột anh T cho riêng anh T. Hiện tại toàn bộ tài sản trên là do vợ anh là chị C đang quản lý cất giữ từ khi cưới cho đến nay. Nay anh T yêu cầu chị C giao lại anh 4,5 chỉ vàng 24k; 4,5 chỉ vàng 18k và 05 phân vàng 24k. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2024, bản tự khai cùng ngày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hồ Bảo C trình bày: Chị và anh T thành hôn vào năm 2024 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 20/02/2024. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại gia đình chồng tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân không hợp nhau, bất đồng ý kiến nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10 năm 2024. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung không có. Về tài sản chung: chị và anh T có vàng cưới gồm 10 chỉ vàng 24k (gồm 10 dây chuyền 05 chỉ, 01 lắc 03 chỉ, nhẫn 01 chỉ, 01 đôi bông 01 chỉ, nhẫn do chị chồng cho 0,5 chỉ) và 10 chỉ vàng 18k, chị đang quản lý 9,5 chỉ vàng 18k (01 vòng ximen 09 chỉ, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ mỗi người quản lý 01 nhẫn). Quá trình chung sống chị đã bán 04 chỉ vàng 24k để trị bệnh nên hiện tại chị còn quản lý 05 chỉ vàng 24k. Chị đồng ý chia đôi giao lại cho anh T 2,5 chỉ vàng 24k và 4,5 chỉ vàng 18k. Về nợ chung không có. Ngày 06/02/2025, chị C làm đơn yêu cầu rút lại đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn. Lý do: chị còn thương anh T. Trong quá trình chị về ở làm dâu tại nhà anh T, thì mẹ chồng không hài lòng với chị nên kêu cha mẹ ruột chị qua nhà để đón chị về. Chị và anh T thì không có mâu thuẫn gì với nhau. Việc chia tài sản chung là vàng cưới nữ trang được cha mẹ chồng cho trong ngày cưới nên chị không yêu cầu chia. Kể từ ngày chị làm đơn này, nếu như chồng chị có đơn yêu cầu phản tố thì chị không tham gia giải quyết tại Tòa án, tùy tòa án quyết định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị M trình bày: anh T và chị C thành hôn chị có cho riêng anh T 0,5 chỉ vàng 24k. Nay chị để anh T và chị C tự giải quyết chị không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Giá vàng anh T đưa ra vàng 24k là 10.450.000đ/chỉ, vàng 18k là 6.600.000đ/chỉ.

Bị đơn, người có quyền lợi liên nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147, 217, 244, 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 33, 38, 56, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24, điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước T. Cụ thể:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Bảo C.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Phước T ly hôn với chị Hồ Bảo C.

Về tài sản chung:

Buộc chị C có nghĩa vụ giao lại cho anh T 03 chỉ vàng 24k và 4,5 chỉ vàng 18k.

Chị C được nhận 2,5 chỉ vàng 24k và được nhận 4,5 chỉ vàng 18k.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị M: không yêu cầu độc lập nên không xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh T nộp án phí ly hôn và án phí trên giá trị tài sản được hưởng, chị C nộp trên giá trị tài sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hồ Bảo C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phước T, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về vai trò địa vị tố tụng: Nguyên đơn chị Hồ Bảo C khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Phước T nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố nên căn cứ vào Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T trở thành nguyên đơn, chị C trở thành bị đơn trong vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn chị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị M, người làm chứng vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 và Điều 229 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Phước T và chị Hồ Bảo C thành hôn vào năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2024, ngày 20/02/2024 là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh T cho rằng, quá trình chung sống hạnh phúc, sau này không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, luôn có sự mâu thuẫn và bất hòa với nhau hiện nay chị C đã về sống bên cha mẹ ruột đều này chị C cũng thừa nhận. Từ khi có mâu thuẫn cho đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với chị C. Chị C xin đoàn tụ nhưng anh T cương quyết ly hôn cũng phù hợp với ý kiến của người thân nguyên đơn, bị đơn. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị C đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xử cho anh T được ly hôn với chị C là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: các bên trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung:

Anh T và chị C đều xác định hiện số vàng cưới chị C đang giữ 09 chỉ vàng 24k, 0,5 chỉ vàng 24k chị M cho anh T và 09 chỉ vàng 18k các bên đều

thừa nhận đây là sự việc có thật không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của anh T là yêu cầu chị C giao lại 4,5 chỉ vàng 24k trong số vàng chị C đang quản lý sử dụng là chưa có cơ sở chấp nhận toàn bộ. Bởi vì, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T đều thừa nhận lúc trước khi cưới và sau khi cưới chị C bị xảy thai 02 lần. Anh T cho rằng chi phí điều trị đều do anh tự xuất ra chi trả. Chị C cho rằng chị bán vàng cưới 04 chỉ vàng để điều trị và sinh hoạt hàng ngày là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, chị C phải điều trị bệnh sự việc là có thật và lúc sống chung chị C không có nghề nghiệp như anh T trình bày nên việc cần phải bán vàng để điều trị và tiêu xài cho việc cá nhân là nhu cầu cần thiết.

Đối với 0,5 chỉ vàng 24k mà chị M đã cho riêng anh T, chị C đang quản lý điều này chị C cũng thừa nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh T buộc chị C có nghĩa vụ giao lại cho anh T là phù hợp.

Đối với 09 chỉ vàng 18k hiện chị C đang quản lý nên cần buộc chị C có nghĩa vụ giao lại cho anh T là phù hợp.

Đối với chị M không có yêu cầu độc lập nên không xét.

Đối với yêu cầu của chị C tại phiên tòa vắng mặt nhưng có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này đối với chị C.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung trên phần được hưởng, chị C phải nộp án phí trên phần tài sản chung được hưởng theo quy định điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (vàng 24k = 10.450.000đ và vàng 18k = 6.600.000đ làm cơ sở tính án phí).

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 4 Điều 147, Điều 217 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng

dân sự;

Căn cứ Điều 33, 38, 56, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Bảo C về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Phước T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phước T.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Nguyễn Phước T được ly hôn với chị Hồ Bảo C.

2. Về tài sản chung:

Buộc chị Hồ Bảo C có nghĩa vụ giao lại anh Nguyễn Phước T 03 (ba) chỉ vàng 24k và 4,5 (bốn phẩy năm) chỉ vàng 18k.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Phước T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 3.052.500đ (hai triệu không trăm mười ngàn đồng) án phí chia tài sản chung. Tổng cộng, anh T nộp 3.352.500đ (ba triệu ba trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.441.000đ (bốn triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0011906 ngày 13/2/2025 số tiền 3.141.000đ (ba triệu một trăm bốn mươi một ngàn đồng) và biên lai thu số 001995 ngày 03/3/2025 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 388.500đ (ba trăm tám mươi tám ngàn đồng) hoàn trả anh T.

Chị Hồ Bảo C có nghĩa vụ nộp 2.791.250đ (hai triệu bảy trăm chín mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng) án phí chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị C đã nộp theo biên lai thu số 0011715 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 2.491.250đ (hai triệu bốn trăm chín mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng) buộc chị C nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để chuyển đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Bá Phúc